

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-12-2022

*V/v tranh chấp “không công nhận
quan hệ là vợ, chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Ông Dương Mỹ Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “*Yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ, chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lại Thị A, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn B, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Lại Thị A trình bày:

Bà Lại Thị A và ông Trương Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức đám cưới, tuy nhiên bà A và ông B không có đăng ký kết hôn theo quy định tại cơ quan có thẩm quyền.

Thời gian đầu sống chung bà A và ông B chung sống hạnh phúc, sau đó giữa bà A và ông B phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân mâu

thuần là do ông B thường hay đi uống rượu và hay ghen tuông vô cớ về chửi bà A nhiều lần, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân không còn ai quan tâm đến ai. Nay bà A nhận thấy không còn tình cảm gì với ông B, do vậy bà A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Trương Văn B là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà A và ông B có với nhau 04 người con chung là Trương Thị C, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1996, Trương Thị D, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1997, Trương Văn Đ, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1999 và Trương Thị E, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2003. Do các con chung đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lại Thị A trình bày tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung và không có nợ chung gì ai, do vậy bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn ông Trương Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B đồng ý với phần trình bày của bà A, giữa ông B và bà A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 tại thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu sống chung thì ông B và bà A rất vui vẻ hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông B và bà A đã sống ly thân với nhau từ tháng 09 năm 2022 cho đến nay và không còn ai quan tâm đến ai. Nay ông B đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà A nhưng không được nên ông B đồng ý với yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ, chồng của bà A.

Về con chung, ông B và bà A có với nhau 04 người con chung là Trương Thị C, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1996, Trương Thị D, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1997, Trương Văn Đ, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1999 và Trương Thị E, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2003. Do các con chung đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa ông B và bà A.

Về tài sản chung và nợ chung, ông B trình bày đã tự thỏa thuận với bà A, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 36; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11; 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ, chồng của nguyên đơn bà Lại Thị A.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp “không công nhận quan hệ là vợ, chồng” do bà Lại Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Trương Văn B cư trú tại: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] *Về việc vắng mặt đương sự:* Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn ông Trương Văn B đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời đã có lời khai trình bày quan điểm của mình. Sau đó, do bận công việc nên ông không thể tiếp tục tham gia tố tụng được nên ông cũng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Lại Thị A cho thấy, bà và ông Trương Văn B chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà A là có cơ sở nên được chấp nhận và không công nhận mối quan hệ giữa bà A, ông B là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung:* Trong thời gian sống chung bà A và ông B có 04 người con chung là Trương Thị C, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1996, Trương Thị D, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1997, Trương Văn Đ, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1999 và Trương Thị E, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2003. Do các con chung đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên bà A và ông B cùng trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] *về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Lại Thị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 11; 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị A về tranh chấp “không công nhận quan hệ là vợ, chồng”.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Lại Thị A và ông Trương Văn B không phải là vợ chồng.

- Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lại Thị A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006338 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhân:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa